



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 39
8. Phụ lục	40 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003964 ngày 24 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện theo pháp luật và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	28.000.000.000	20,74
Ông Nguyễn Bình Đông	10.000.000.000	7,41
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	5.000.000.000	3,70
Các cổ đông khác	187.000.000.000	68,15
Cộng	230.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 38 622 501
Fax : (84-8) 38 622 974
Mã số thuế : 0304075529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 333 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	Số 150, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Đà Nẵng	Khu B4, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh 2 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/16 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 149 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 4 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 5 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 39 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 6 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/29, khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 7 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 656 Quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Tầng 2, cao ốc IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	P1402, tầng 14, tòa nhà LILAMA 10, đường Lê Văn Lương kéo dài, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất; sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều tăng so với năm trước do sản lượng và giá bán tăng.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 230.000.000.000 VND.

Ngoài ra, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào 02 Công ty con là Công ty cổ phần Hiệp Phú và Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2011 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2011 theo Quyết định 01/QĐ-HDQT ngày 20 tháng 11 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.953.358.182 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.251.000.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng do vượt kế hoạch doanh thu 1000 tỷ	500.000.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.153.000.000 VND
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2010	13.800.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011	23.000.000.000 VND
Cộng	48.657.358.182 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Matthew Christian			
Everlyn Walker	Phó Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Bình Đông	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Phan Thị Lượng	Thành viên	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Trần Đức Huy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Ngọc Sơn	Trưởng ban	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Nguyễn Hoàng Chân	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	29 tháng 4 năm 2011	-



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2009	-
Ông Đặng Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	-
Ông Trần Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	22 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Trường Hải	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thầy mat Ban Tổng Giám đốc

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0221/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.337.731.085	384.692.129.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.788.683.503	49.021.787.807
1. Tiền	111		29.788.683.503	49.021.787.807
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.924.126.108	165.891.146.326
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	128.112.709.850	121.623.160.184
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.431.345.305	2.015.429.704
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	21.336.788.396	45.477.184.886
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.956.717.443)	(3.224.628.448)
IV. Hàng tồn kho	140		177.230.477.934	163.370.379.057
1. Hàng tồn kho	141	V.6	186.108.518.941	173.341.956.649
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(8.878.041.007)	(9.971.577.592)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.394.443.540	6.408.816.449
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	753.623.898	501.090.524
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		159.709.542	105.707.391
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	4.481.110.100	5.802.018.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		219.706.573.315	133.218.244.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.354.021.723	77.363.846.117
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	49.863.702.511	51.399.576.927
<i>Nguyên giá</i>	222		97.242.283.065	88.072.222.839
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.378.580.554)	(36.672.645.912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24.209.942.935	25.923.201.222
<i>Nguyên giá</i>	228		35.828.911.269	35.515.952.557
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.618.968.334)	(9.592.751.335)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	3.280.376.277	41.067.968
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		136.628.334.629	50.620.195.969
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	114.930.000.000	29.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	22.988.810.000	22.988.810.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(1.290.475.371)	(1.368.614.031)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.724.216.963	5.234.202.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	4.052.417.490	3.807.110.763
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	461.919.673	66.010.807
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.209.879.800	1.361.081.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		584.044.304.400	517.910.374.295

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		221.679.946.281	281.461.024.715
I. Nợ ngắn hạn	310		220.882.388.025	280.403.317.349
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	105.508.587.197	143.291.241.523
2. Phải trả người bán	312	V.20	57.584.277.761	34.909.956.534
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	4.484.721.208	6.588.534.038
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	11.064.455.803	7.820.225.227
5. Phải trả người lao động	315	V.23	1.433.401.263	1.595.819.780
6. Chi phí phải trả	316	V.24	12.145.764.829	16.096.754.690
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	26.849.975.626	69.063.870.152
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.811.204.338	1.036.915.405
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		797.558.256	1.057.707.366
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	171.656.000	507.776.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.28	142.324.856	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	483.577.400	549.931.366
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		362.364.358.119	236.449.349.580
I. Vốn chủ sở hữu	410		362.364.358.119	236.449.349.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	230.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	38.000.000.000	38.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	8.961.419.045	6.008.060.233
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	85.402.939.074	57.441.289.347
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		584.044.304.400	517.910.374.295

48-C.T.
 TỶ
 HỮU HẠN
 VÀ
 TÍN
 CHỨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

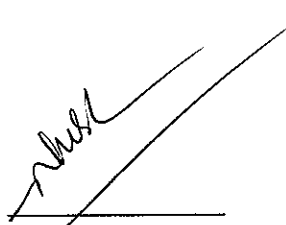
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

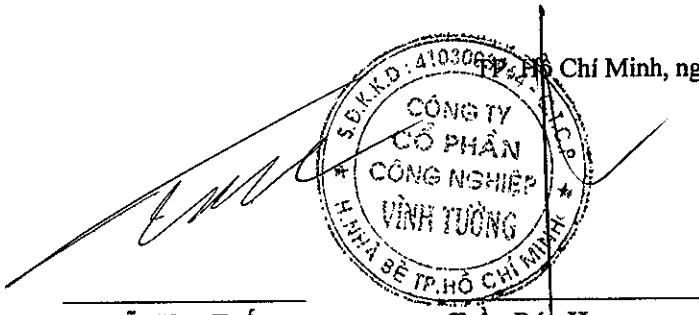
Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

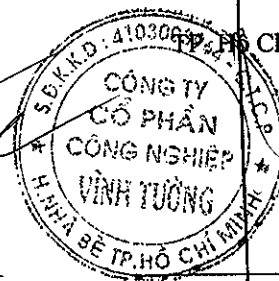
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		275.696.339	275.696.339
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		153.226,28	109.299,67
Dollar Singapore (SGD)		485,92	485,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

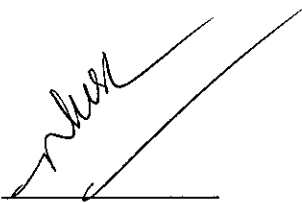
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

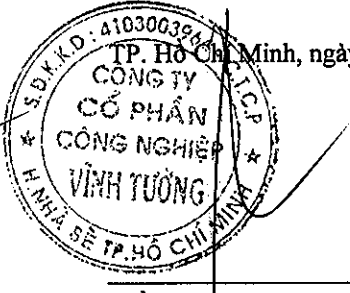
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.342.507.584.297	1.089.776.720.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.243.270.510	3.724.898.760
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.341.264.313.787	1.086.051.821.305
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.176.594.240.497	944.547.004.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		164.670.073.290	141.504.816.435
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.463.937.346	3.443.681.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.448.209.704	18.314.727.669
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.069.225.996	14.927.642.273
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	55.666.140.554	45.495.684.041
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.197.235.783	15.998.741.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81.822.424.595	65.139.344.395
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.955.715.336	892.241.041
12. Chi phí khác	32	VI.8	381.586.621	106.840.826
13. Lợi nhuận khác	40		2.574.128.715	785.400.215
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.396.553.310	65.924.744.610
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	8.031.128.781	6.829.530.293
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(253.584.010)	28.038.071
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>76.619.008.539</u>	<u>59.067.176.246</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		84.396.553.310	65.924.744.610
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.11	13.599.243.781	12.272.840.697
- Các khoản dự phòng	03	V.5,V.7,V.15	(439.586.250)	7.588.746.494
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(481.794.996)	293.719.396
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(574.250.586)	9.078.313
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.069.225.996	14.927.642.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		117.569.391.255	101.016.771.783
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		87.731.091.033	(20.422.439.856)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.949.944.736)	(65.767.236.659)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(108.930.337.736)	10.712.466.567
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(497.840.101)	(1.328.603.379)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4, VII	(21.739.826.981)	(14.015.706.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(7.827.627.728)	(5.346.105.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.266.694.557	43.708.031.295
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.173.351.610)	(66.540.027.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.448.247.953	(17.982.849.925)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.11,V.12, VII	(14.344.951.142)	(7.486.606.332)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	197.048.648	2.604.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.200.000.000	102.505.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(85.930.000.000)	(29.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	636.352.781	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.441.549.713)	(36.381.496.787)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

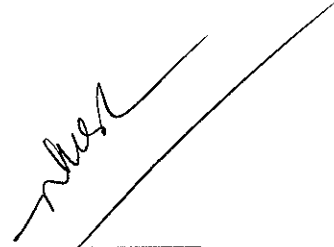
Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	95.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19,V.27	463.365.871.394	473.540.245.014
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19,V.27	(501.583.116.297)	(381.244.443.332)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(27.025.807.708)	(26.960.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.756.947.389	65.335.701.682
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.236.354.371)	10.971.354.970
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.021.787.807	38.092.450.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.250.067	(42.017.862)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.788.683.503	49.021.787.807


Phạm Thị Đẹp
 Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
 Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 503 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 476 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều tăng so với năm trước do sản lượng và giá bán tăng.
Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 230.000.000.000 VND.
Ngoài ra, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào 02 Công ty con là Công ty cổ phần Hiệp Phú và Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Trong đó:

- Quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại số Khu công nghiệp Hiệp Phước được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (43 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc được xác định căn cứ theo giá thị trường và đã được các cơ đồng thống nhất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (48 năm).

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và những chi phí liên quan khác. Quyền sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa là chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao 10 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2006. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.

Chi phí thuê nhà

Chi phí thuê nhà lưu trú cho công nhân thực hiện công trình được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng thuê nhà (23 năm).

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Văn phòng miền Nam là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và của Chi nhánh là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế		Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm	Không có mức trích lập tối đa

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

48-C
TY
HUU HA
N VÀ
N
CHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

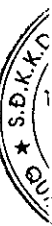
Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.227.291.904	4.557.979.898
Tiền gửi ngân hàng	21.335.785.941	44.463.807.909
Tiền đang chuyển	225.605.658	-
Cộng	29.788.683.503	49.021.787.807

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	86.857.217.092	75.709.966.427
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	41.255.492.758	45.913.193.757
Cộng	128.112.709.850	121.623.160.184

Các khoản phải thu trị giá 5 triệu USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	5.985.276.792	1.628.216.469
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	446.068.513	387.213.235
Cộng	6.431.345.305	2.015.429.704

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu tạm nộp	6.540.626.724	10.813.735.413
Phải thu tiền chiết khấu hàng mua	7.100.268.426	7.206.773.099
Ông Nguyễn Thành Hưng - tiền cho mượn	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - tiền cho mượn	150.000.000	-
Ông Trần Đức Huy - tiền cho mượn mua cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông	2.043.000.000	-
Công ty cổ phần Hiệp Phú - tiền cho mượn	-	200.000.000
Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông - chi hộ tiền đầu tư xây dựng nhà máy tại Hưng Yên	4.691.494.681	26.612.741.736
Các khoản phải thu khác	711.398.565	543.934.638
Cộng	<u>21.336.788.396</u>	<u>45.477.184.886</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm	591.102.305	1.314.042.483
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.437.955.782	247.029.115
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.738.584.488	1.663.556.850
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	189.074.868	-
Cộng	<u>3.956.717.443</u>	<u>3.224.628.448</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.224.628.448
Trích lập dự phòng bổ sung	732.088.995
Số cuối năm	<u>3.956.717.443</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	12.859.459.264	15.749.685.201
Nguyên liệu, vật liệu	106.939.733.323	106.322.547.049
Công cụ, dụng cụ	890.418.041	522.805.822
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.449.508.394	2.851.744.144
Thành phẩm	38.481.018.258	38.923.007.379
Hàng hóa	16.488.381.661	8.519.617.212
Hàng gửi đi bán	-	452.549.842
Cộng	<u>186.108.518.941</u>	<u>173.341.956.649</u>

Hàng hóa trong kho có giá trị 5 triệu USD đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.415.596.039	5.027.621.905
Thành phẩm	4.462.444.968	4.943.955.687
Cộng	8.878.041.007	9.971.577.592

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	9.971.577.592
Hoàn nhập dự phòng	(1.093.536.585)
Số cuối năm	8.878.041.007

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	30.000.000	5.568.981
Chi phí bảo lãnh	122.000.000	-
Chi phí bảo trì, sửa chữa	127.477.908	104.717.486
Chi phí đồng phục	363.650.200	177.318.350
Chi phí khác	110.495.790	213.485.707
Cộng	753.623.898	501.090.524

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3.426.487.071	1.325.799.946
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.054.623.029	4.476.218.588
Cộng	4.481.110.100	5.802.018.534

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.239.979.910	41.779.463.820	10.396.061.980	1.656.717.129	88.072.222.839
Tăng trong năm	54.189.000	7.288.526.494	2.406.178.182	532.034.789	10.280.928.465
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	15.374.744	-	-	15.374.744
Thanh lý, nhượng bán	-	(639.080.935)	(475.628.048)	(11.534.000)	(1.126.242.983)
Số cuối năm	34.294.168.910	48.444.284.123	12.326.612.114	2.177.217.918	97.242.283.065
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.189.621.179	1.161.009.786	222.210.295	3.572.841.260
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.576.019.570	23.219.377.538	5.275.799.237	601.449.567	36.672.645.912
Khấu hao trong năm	1.989.622.103	7.510.022.965	1.679.703.792	393.677.922	11.573.026.782
Thanh lý, nhượng bán	-	(437.738.558)	(428.873.000)	(480.582)	(867.092.140)
Số cuối năm	9.565.641.673	30.291.661.945	6.526.630.029	994.646.907	47.378.580.554

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.663.960.340	18.560.086.282	5.120.262.743	1.055.267.562	51.399.576.927
Số cuối năm	24.728.527.237	18.152.622.178	5.799.982.085	1.182.571.011	49.863.702.511
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 47.858.009.340 VND và 28.179.081.572 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.177.722.157	-	16.000.000.000	338.230.400	35.515.952.557
Tăng trong năm	-	312.958.712	-	-	312.958.712
Số cuối năm	19.177.722.157	312.958.712	16.000.000.000	338.230.400	35.828.911.269
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.777.945.275	-	7.599.999.981	214.806.079	9.592.751.335
Tăng trong năm	337.114.152	36.511.853	1.599.999.996	52.590.998	2.026.216.999
Số cuối năm	2.115.059.427	36.511.853	9.199.999.977	267.397.077	11.618.968.334
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.399.776.882	-	8.400.000.019	123.424.321	25.923.201.222
Số cuối năm	17.062.662.730	276.446.859	6.800.000.023	70.833.323	24.209.942.935
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.873.922.157 VND và 15.994.473.174 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	38.313.723	3.767.506.591	(15.374.744)	(512.823.538)	3.277.622.032
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.754.245	-	-	-	2.754.245
Cộng	41.067.968	3.767.506.591	(15.374.744)	(512.823.538)	3.280.376.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Hiệp Phú ⁽ⁱ⁾	9.450.000	94.500.000.000	2.900.000	29.000.000.000
Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông ⁽ⁱⁱ⁾				
(tên mới: Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc)	2.043.000	20.430.000.000		-
Cộng		114.930.000.000		29.000.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101288280 ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú 94.500.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.
- (ii) Trong năm, Công ty nhận chuyển nhượng 90.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đ/cổ phần) tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900251447 ngày 09 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, tên mới là Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc). Giá trị nhận chuyển nhượng là 20.430.000.000 VND.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia ⁽ⁱ⁾	20.192.010.000	20.192.010.000
VTJ (Singapore) Private Limited ⁽ⁱⁱ⁾	2.796.800.000	2.796.800.000
Cộng	22.988.810.000	22.988.810.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 09 năm 2007 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Vĩnh Tường USD 1.225.000, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 206/BKH - ĐTRNN ngày 09 tháng 12 năm 2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited USD 160.000, tương đương 40% vốn điều lệ.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.368.614.031
Hoàn nhập dự phòng	(78.138.660)
Số cuối năm	1.290.475.371

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	676.080.089	595.547.771	(779.970.810)	491.657.050
Lợi thế thương mại ^(*)	1.395.300.980	-	(274.485.456)	1.120.815.524
Chi phí sửa chữa	1.327.903.607	1.233.240.301	(854.191.144)	1.706.952.764
Chi phí thuê nhà	407.826.087	348.103.524	(250.329.884)	505.599.727
Chi phí bảo hiểm	-	47.758.799	(14.631.876)	33.126.923
Chi phí khác	-	554.517.318	(360.251.816)	194.265.502
Cộng	3.807.110.763	2.779.167.713	(2.533.860.986)	4.052.417.490

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (*) Khoản chênh lệch giữa giá trị nhận góp vốn với giá trị tài sản thuần (giá trị tài sản thuần đã được định giá lại bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A) của Công ty cổ phần Vĩnh Tường (Chi nhánh Vĩnh Phúc) tại thời điểm nhận sáp nhập Chi nhánh.

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	66.010.807
Số phát sinh	395.908.866
Số cuối năm	<u>461.919.673</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược thuê văn phòng và cửa hàng.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	100.286.915.197	124.134.017.523
- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh ^(a)	3.175.000.000	6.400.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	43.905.375.985	66.406.607.859
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ^(b)	36.522.342.865	36.596.324.244
- Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam ^(c)	-	620.112.979
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(d)	16.684.196.347	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	14.110.972.441
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(e)	5.000.000.000	19.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	221.672.000	157.224.000
Cộng	<u>105.508.587.197</u>	<u>143.291.241.523</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh; giá trị cổ phiếu Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường của Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất; khoản tiền gửi ngân hàng trị giá 600.000 USD; các khoản phải thu trị giá 4 triệu USD; hàng hóa trong kho trị giá 4 triệu USD và bảo lãnh cá nhân từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan trị giá 10 triệu USD.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng, máy móc và hàng hóa tại Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa tại kho nhà máy Hưng Yên, thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Phúc trị giá 1 triệu USD; các khoản phải thu trị giá 1 triệu USD và bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.
- (e) Khoản vay cá nhân trong Công ty để bổ sung vốn lưu động theo lãi suất từ 13% đến 17%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	124.134.017.523	461.365.871.394	-	98.470.577	(485.311.444.297)	100.286.915.197
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	19.000.000.000	2.000.000.000	-	-	(16.000.000.000)	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	157.224.000	-	221.672.000	-	(157.224.000)	221.672.000
Cộng	143.291.241.523	463.365.871.394	221.672.000	98.470.577	(501.468.668.297)	105.508.587.197

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	39.302.973.395	17.837.737.096
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	18.281.304.366	17.072.219.438
Cộng	57.584.277.761	34.909.956.534

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	2.999.006.338	1.060.646.807
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	1.485.714.870	5.527.887.231
Cộng	4.484.721.208	6.588.534.038

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.871.220.853	6.865.638.965	(6.544.515.537)	2.192.344.281
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	178.558.784	7.878.770.405	(7.830.248.090)	227.081.099
Thuế xuất, nhập khẩu	66.158.027	3.781.279.667	(2.081.610.076)	1.765.827.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.782.878.121	8.031.128.781	(7.827.627.728)	5.986.379.174
Thuế thu nhập cá nhân	(78.590.558)	3.155.937.964	(2.184.523.775)	892.823.631
Tiền thuê đất	-	65.000.000	(65.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	28.400.000	(28.400.000)	-
Cộng	7.820.225.227	29.806.155.782	(26.561.925.206)	11.064.455.803

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Trụ sở chính được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo. Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Trụ sở chính hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi nhánh tại Vĩnh Phúc được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo. Năm tài chính 2005 là năm đầu tiên Chi nhánh Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.396.553.310	65.924.744.610
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.189.858.416	8.717.852.188
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.908.059.803)	-
Thu nhập chịu thuế	85.678.351.923	74.642.596.798
Trong đó:		
- Thu nhập được ưu đãi (thuế suất 15%)	76.488.574.853	67.596.535.199
- Thu nhập không được ưu đãi (thuế suất 25%)	9.189.777.070	7.046.061.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	13.770.730.497	11.900.995.679
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(5.736.643.114)	(5.069.740.139)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	(2.958.602)	(1.725.247)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>8.031.128.781</u>	<u>6.829.530.293</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	241.334.520	911.935.505
Hoa hồng môi giới	-	500.000.000
Chi phí các chương trình khuyến mại	5.871.897.433	3.173.004.870
Chi phí chiết khấu	-	970.421.251

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	266.889.778	1.468.631.779
Trích trước chi phí các công trình	3.380.081.413	6.054.591.272
Chi phí bảo hành công trình	-	941.580.959
Chi phí khác	2.385.561.685	2.076.589.054
Cộng	12.145.764.829	16.096.754.690
25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	44.235.088	-
Kinh phí công đoàn	212.600.681	102.502.486
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	27.129.165	341.147.825
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - tiền mượn	-	26.800.000.000
Ông Đặng Minh Phương - tiền mượn	3.230.000.000	1.440.000.000
Cổ tức phải trả	23.274.192.292	13.500.000.000
Thu tiền mua cổ phiếu	-	26.826.996.000
Phải trả khác	61.818.400	53.223.841
Cộng	26.849.975.626	69.063.870.152
26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	1.036.915.405	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.904.000.000	
Chi quỹ	(8.129.711.067)	
Số cuối năm	1.811.204.338	
27. Vay và nợ dài hạn		
Các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam để mua ô tô và đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.		
Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	221.672.000	
Trên 01 năm đến 05 năm	171.656.000	
Tổng nợ	393.328.000	
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:		
Số đầu năm	507.776.000	
Số tiền vay đã trả	(114.448.000)	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(221.672.000)	
Số cuối năm	171.656.000	
28. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	-	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	142.324.856	
Số cuối năm	142.324.856	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	549.931.366
Số trích lập bổ sung	48.194.684
Số đã chi	(114.548.650)
Số cuối năm	483.577.400

30. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	38.000.000.000	3.719.179.081	34.491.682.100	211.210.861.181
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.067.176.246	59.067.176.246
Trích lập các quỹ	-	-	2.288.881.152	(9.117.568.999)	(6.828.687.847)
Chia cổ tức	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	135.000.000.000	38.000.000.000	6.008.060.233	57.441.289.347	236.449.349.580
Số dư đầu năm nay	135.000.000.000	38.000.000.000	6.008.060.233	57.441.289.347	236.449.349.580
Phát hành cổ phiếu	95.000.000.000	-	-	-	95.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	76.619.008.539	76.619.008.539
Trích lập các quỹ	-	-	2.953.358.812	(11.857.358.812)	(8.904.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(36.800.000.000)	(36.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	8.961.419.045	85.402.939.074	362.364.358.119

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	27.025.807.708
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	27.025.807.708

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.342.507.584.297	1.089.776.720.065
- Doanh thu bán hàng hóa	688.821.787.326	572.576.293.291
- Doanh thu bán thành phẩm	642.072.176.679	493.264.409.765
- Doanh thu hoạt động xây dựng	11.613.620.292	23.936.017.009
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.243.270.510)	(3.724.898.760)
- Giảm giá hàng bán	(58.082.207)	-
- Hàng bán bị trả lại	(1.185.188.303)	(3.724.898.760)
Doanh thu thuần	1.341.264.313.787	1.086.051.821.305
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	687.756.362.985	572.576.293.291
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	641.894.330.510	489.539.511.005
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	11.613.620.292	23.936.017.009

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	643.876.914.073	524.001.355.998
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	521.482.442.848	389.217.171.037
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	12.328.420.161	24.832.692.750
Dự phòng khoản thuế nhập khẩu tạm nộp	-	714.254.234
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.093.536.585)	5.781.530.851
Cộng	1.176.594.240.497	944.547.004.870

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	309.933.250	193.678.962
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	601.543.214	-
Chiết khấu thanh toán	12.966.459.740	1.783.581.007
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.069.396.579	1.466.421.521
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	481.794.996	-
Lãi bán hàng trả chậm	34.809.567	-
Cộng	17.463.937.346	3.443.681.490

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.069.225.996	14.927.642.273
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	293.719.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	389.655.349	1.656.960.302
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(78.138.660)	1.368.614.031
Chi phí khác	67.467.019	67.791.667
Cộng	21.448.209.704	18.314.727.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.186.564.008	12.279.229.346
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.332.276	671.736.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.580.779.454	2.220.194.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.049.463.408	23.654.074.541
Chi phí khác	9.288.001.408	6.670.448.790
Cộng	55.666.140.554	45.495.684.041

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.776.901.332	6.730.363.717
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.152.951.928	478.470.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.982.500	657.842.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.847.142.684	4.509.698.760
Chi phí khác	4.890.257.339	3.622.366.350
Cộng	23.197.235.783	15.998.741.820

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	197.048.648	2.604.545
Nhà cung cấp bồi thường hàng hỏng	42.179.810	201.791.319
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	2.245.426.688	473.444.536
Các khoản khác	471.060.190	214.400.641
Cộng	2.955.715.336	892.241.041

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	259.150.843	11.682.858
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	58.399.314
Các khoản khác	122.435.778	36.758.654
Cộng	381.586.621	106.840.826

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	142.324.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	66.010.807	94.048.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(461.919.673)	(66.010.807)
Cộng	(253.584.010)	28.038.071

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	489.943.899.765	401.624.543.158
Chi phí nhân công	46.533.103.515	34.055.112.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.599.243.781	12.272.840.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.431.339.005	52.564.384.802
Chi phí khác	15.215.493.160	14.596.113.503
Cộng	619.723.079.226	515.112.994.698

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Số dư công nợ về mua sắm tài sản cố định và chi phí lãi vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	16.442.626	-
Chi phí lãi vay phải trả	241.334.520	911.935.505

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Vay tiền	-	22.350.000.000
Trả tiền vay	(16.000.000.000)	(3.350.000.000)
Mượn tiền	-	30.000.000.000
Trả tiền mượn	(26.800.000.000)	(5.087.350.000)
Ban điều hành		
Mượn tiền	1.950.000.000	910.000.000
Trả tiền mượn	(160.000.000)	-
Vay tiền	-	350.000.000
Trả tiền vay	-	(350.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	3.000.000.000	45.800.000.000
Ban điều hành	3.230.000.000	1.440.000.000
Cộng nợ phải trả	6.230.000.000	47.240.000.000

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành	2.043.000.000	-
Cộng nợ phải thu	2.043.000.000	-

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT Công ty đã dùng giá trị cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường thuộc sở hữu của mình và bảo lãnh cá nhân để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.480.063.138	3.342.245.664
Tiền thưởng	200.072.000	153.897.000
Cộng	4.680.135.138	3.496.142.664

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Công ty con
Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông	
(tên mới: Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc)	Công ty con
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia	Công ty liên kết
VTJ (Singapore) Private Limited	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Bà Nguyễn Thị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Long Hậu	Ngọc Loan – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Tường là Chủ tịch HĐQT Công ty) Công ty có liên quan (Ông Đoàn Hồng Dũng - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Long Hậu là chồng Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Chủ tịch HĐQT Công ty)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Cho mượn tiền	-	200.000.000
Mua hàng	2.386.725.500	-
Bán hàng	2.982.672	-
Chi hộ	1.222.366.314	-
Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông		
Bán hàng hóa	-	1.040.085.525
Thuê nhà xưởng	3.878.550.000	-
Cho vay	4.320.000.000	50.000.000
Chi hộ	-	26.562.741.736
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia		
Bán hàng	44.931.611.585	40.746.535.749
Chi hộ	56.634.510	85.432.831
VTJ (Singapore) Private Limited		
Bán hàng	21.941.807.025	8.733.137.449
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Chi hộ	-	46.610.000
Mượn tiền	8.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Phải thu tiền cho mượn	-	200.000.000
Phải thu tiền hàng	111.100.000	-
Ứng trước tiền hàng	2.633.292.050	-
Phải thu tiền chi hộ	1.344.602.945	-
Công ty cổ phần công nghiệp Viễn Đông		
Phải thu tiền hàng	1.099.879.781	1.144.094.078
Phải thu tiền cho vay và tiền chi hộ	4.691.494.681	26.612.741.736
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia		
Phải thu tiền hàng	19.954.385.369	24.883.223.084
Phải thu khác	8.808.100	40.660.331
VTJ (Singapore) Private Limited		
Phải thu tiền hàng	11.454.983.857	4.982.477.757
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Phải thu tiền hàng	389.651.999	389.651.999
Cộng nợ phải thu	41.688.198.782	58.252.848.985
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Phải trả tiền hàng	15.950.000	-
Cộng nợ phải trả	15.950.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam, khu vực miền Bắc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở phụ lục đính kèm từ trang 42 đến trang 43.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.989.724.870	3.054.724.870
Trên 01 năm đến 05 năm	1.383.028.478	4.354.492.478
Trên 05 năm	299.782.609	318.043.478
Cộng	4.672.535.957	7.727.260.826

Công ty thuê một số cửa hàng, chi nhánh và văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2033 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.788.683.503	49.021.787.807	29.788.683.503	49.021.787.807
Phải thu khách hàng	125.053.702.422	119.296.241.751	125.053.702.422	119.296.241.751
Các khoản phải thu khác	26.130.068.281	51.742.574.405	26.130.068.281	51.742.574.405
Cộng	180.972.454.206	220.060.603.963	180.972.454.206	220.060.603.963
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	105.680.243.197	143.799.017.523	105.680.243.197	143.799.017.523
Phải trả cho người bán	57.584.277.761	34.909.956.534	57.584.277.761	34.909.956.534
Phải trả người lao động	1.433.401.263	1.595.819.780	1.433.401.263	1.595.819.780
Chi phí phải trả	12.145.764.829	16.096.754.690	12.145.764.829	16.096.754.690
Các khoản phải trả khác	27.333.553.026	69.613.801.518	27.333.553.026	69.613.801.518
Cộng	204.177.240.076	266.015.350.045	204.177.240.076	266.015.350.045

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.6, V.10 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Phải thu khách hàng	62.484.000.000	
Hàng tồn kho	104.140.000.000	
Nhà cửa, vật kiến trúc	23.330.517.161	
Máy móc thiết bị	4.205.125.024	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	643.439.387	
Quyền sử dụng đất	15.944.473.174	
Cộng	210.747.554.746	
Số đầu năm		
Phải thu khách hàng	37.864.000.000	
Hàng tồn kho	3.217.000.000	
Nhà cửa, vật kiến trúc	23.330.517.161	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Máy móc thiết bị	12.819.585.851	
Quyền sử dụng đất	16.254.424.822	
Cộng	93.485.527.834	

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Các khoản nợ phải trả của Công ty thường là ngắn hạn và rất ít nên rủi ro thanh khoản rất thấp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	105.508.587.197	171.656.000	-	105.680.243.197
Phải trả cho người bán	57.584.277.761	-	-	57.584.277.761
Phải trả người lao động	1.433.401.263	-	-	1.433.401.263
Chi phí phải trả	12.145.764.829	-	-	12.145.764.829
Các khoản phải trả khác	26.849.975.626	483.577.400	-	27.333.553.026
Cộng	203.522.006.676	655.233.400	-	204.177.240.076
Số đầu năm				
Vay và nợ	143.291.241.523	507.776.000	-	143.799.017.523
Phải trả cho người bán	34.909.956.534	-	-	34.909.956.534
Phải trả người lao động	1.595.819.780	-	-	1.595.819.780
Chi phí phải trả	16.096.754.690	-	-	16.096.754.690
Các khoản phải trả khác	69.063.870.152	549.931.366	-	69.613.801.518
Cộng	264.957.642.679	1.057.707.366	-	266.015.350.045

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc nhận định rủi ro ngoại tệ là thấp và không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

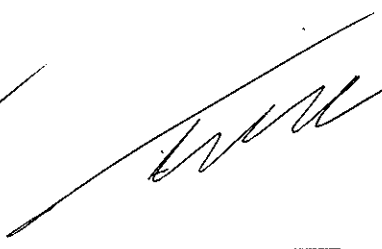
Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2012


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng




Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

48.
TY
HỮU
IN V
ĂN
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:					Đơn vị tính: VND
Năm nay	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	793.765.624.003	475.005.669.047	72.493.020.737	-	1.341.264.313.787
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	71.904.861.217	-	-	(71.904.861.217)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	865.670.485.220	475.005.669.047	72.493.020.737	(71.904.861.217)	1.341.264.313.787
Chi phí bộ phận	770.985.461.616	401.744.026.456	76.073.407.660	(72.208.655.235)	1.176.594.240.497
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	94.685.023.604	73.261.642.591	(3.580.386.923)	303.794.018	164.670.073.290
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					78.863.376.337
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					85.806.696.953
Doanh thu hoạt động tài chính					17.463.937.346
Chi phí tài chính					21.448.209.704
Thu nhập khác					2.955.715.336
Chi phí khác					381.586.621
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					8.031.128.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(253.584.010)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					76.619.008.539

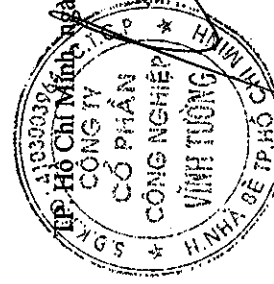
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	628.060.043.193	406.340.086.767	51.651.691.345	-	1.086.051.821.305
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	80.611.774.991	-	-	(80.611.774.991)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	708.671.818.184	406.340.086.767	51.651.691.345	(80.611.774.991)	1.086.051.821.305
Chi phí bộ phận	618.794.049.939	350.774.474.740	55.389.630.052	(80.411.149.861)	944.547.004.870
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.877.768.245	55.565.612.027	(3.737.938.707)	(200.625.130)	141.504.816.435
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					61.494.425.861
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					80.010.390.574
Doanh thu hoạt động tài chính					3.443.681.490
Chi phí tài chính					18.314.727.669
Thu nhập khác					892.241.041
Chi phí khác					106.840.826
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					6.829.530.293
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					28.038.071
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					59.067.176.246



Ngày 07 tháng 3 năm 2012

(Signature)

Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

(Signature)
Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu

